

Số: 07/QĐ-MNS1MM

Mường Pồn, ngày 13 tháng 1 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Bổ sung kinh phí dự toán cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025 của trường Mầm non số 1 Mường Muồn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật ngân sách nhà nước; Nghị định 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về điều chỉnh và giao dự toán thu, chi NSDP năm 2025, nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang đối với các cơ quan đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để thực hiện chính sách phát triển đất trồng lúa năm 2025 (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phân bổ kinh phí năm 2025 cho các xã để hỗ trợ đảm bảo cơ sở, vật chất phục vụ sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để thực hiện nhiệm vụ, năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Bổ sung kinh phí cho các xã, phường để thực hiện nhiệm vụ, năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Mường Pồn về việc phân bổ nguồn kinh phí Bổ sung kinh phí dự toán cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã về việc bổ sung kinh phí dự toán cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán Trường Mầm non số 1 Mường mươn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về việc công bố công khai bổ sung kinh phí dự toán cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025. Của trường Mầm non số 1 Mường Mươn (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán trường Mầm non số 1 Mường mươn, các bộ phận chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Trường MN số 1 Mường mươn
- Website Trường MNS1MM
- Lưu KT, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hương Diệp

Đơn vị: Trường Mầm non số 1 Mường Mươn

Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**Năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính : Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	565.976.929
I	Nguồn ngân sách trong nước	565.976.929
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	565.976.929
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	80.145.929
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	485.831.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

1	2	Dự toán năm
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	